

KINH NGHIỆM CẢI CÁCH TƯ PHÁP CỦA TRUNG QUỐC TRONG BA THẬP NIÊN GẦN ĐÂY

TRƯƠNG THỊ THU TRANG^(*)

Hoạt động tư pháp luôn có vị trí, vai trò rất quan trọng đối với mọi nhà nước và xã hội. Hoạt động tư pháp góp phần duy trì và bảo vệ công lý, trật tự pháp luật, tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm, các quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của công dân, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc giải quyết các tranh chấp pháp luật nhằm ổn định xã hội và phát triển kinh tế đất nước. Với vị trí và vai trò quan trọng như vậy, các cơ quan tư pháp cũng như các hoạt động tư pháp luôn cần được hoàn thiện và đổi mới cho phù hợp với hoàn cảnh mới, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Nhiều nước, trong đó có Trung Quốc, đã đề ra và thực hiện chiến lược hoặc chương trình cải cách tư pháp với những mục tiêu rõ ràng, cụ thể và yêu cầu phải hoàn tất trong một thời gian nhất định. Bài viết tìm hiểu kinh nghiệm *cải cách tư pháp*^(*) của Trung Quốc trong ba thập niên gần đây, góp phần gợi mở một số bài học bổ ích cho

việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Việt Nam.

1. Cải cách tư pháp ở Trung Quốc ba thập niên gần đây

Mục tiêu, nguyên tắc cải cách tư pháp của Trung Quốc

Theo Sách trắng về cải cách tư pháp của Trung Quốc, các mục tiêu cơ bản của cải cách tư pháp là để đảm bảo rằng Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân thực hiện quyền xét xử và quyền lực kiểm sát công bằng và độc lập, thiết lập một hệ thống tư pháp XHCN công bằng, hiệu quả và có thẩm quyền, và bảo lãnh tư pháp vững chắc và đáng tin cậy cho việc bảo vệ các quyền và lợi ích của nhân dân, công bằng xã hội và công lý, sự ổn định lâu dài của pháp luật quốc gia (Xem *White Paper*, 2012).

Về nguyên tắc, Trung Quốc thực hiện cải cách tư pháp dựa trên điều kiện quốc gia của mình và tham khảo thực tế cải cách tư pháp của các quốc gia khác nhưng không mù quáng sao chép. Lộ trình cải cách ở Trung Quốc được tiến hành từng bước thận trọng chứ không

^(*) Cải cách tư pháp được hiểu là việc thực hiện những điều chỉnh lớn, tạo ra những thay đổi mang tính hệ thống trên quy mô rộng lớn, sâu sắc và triệt để về tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp.

^(*) ThS. Luật học, Viện Thông tin KHXH.

vội vàng. Cải cách tư pháp phấn đấu để đáp ứng mong đợi của nhân dân, khắc phục các vấn đề quan tâm đặc biệt cho người dân, đảm bảo cải cách là cho người dân, dựa vào nhân dân và vì lợi ích người dân. Cải cách theo hướng mọi hoạt động phải phù hợp với pháp luật, tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và các quy định khác, các biện pháp trái với pháp luật hiện hành chỉ nên được thực hiện sau khi luật pháp được sửa đổi. Cải cách tư pháp phải tuân thủ các nguyên tắc của quy hoạch tổng thể, thiết kế toàn diện và trình tự thực hiện dần dần, có trật tự. Cải cách tư pháp ở Trung Quốc đã trải qua 4 giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1978 - 1998

Từ năm 1978, Trung Quốc bắt đầu cải cách và mở cửa về kinh tế. Những thành công từng bước của công cuộc cải cách kinh tế và những thách thức của nền tư pháp truyền thống là tiền đề dẫn đến những cải cách tư pháp giai đoạn 1978-1998. Nội dung cải cách trong giai đoạn này tập trung vào cải cách xét xử tại toà gồm: cải thiện năng lực xét xử và hình ảnh của toà, cải cách phương thức xét xử, cải cách chế độ luật sư.

Giai đoạn 1999 - 2003

Mục tiêu của Chương trình cải cách lần này là giải quyết những vấn đề: thiếu nguồn lực tư pháp, thiếu các thẩm phán có trình độ, thiếu những bảo đảm cho sự độc lập trong xét xử từ sự can thiệp của các cơ quan chính trị và chủ nghĩa bảo vệ địa phương, và để đề cao sự công bằng và hiệu lực của phiên toà xét xử. Bản Đề cương đề ra 39 biện pháp cải cách cụ thể, phân thành 7 nhóm lớn như sau:

+ Tổ chức lại các cơ quan xét xử, kể cả việc bổ nhiệm có tính cạnh tranh các

chánh toà và phó chánh toà, tiếp tục giảm bớt vai trò của ủy ban thẩm phán trong việc quyết định các vụ án;

+ Tiếp tục cải cách nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ tư pháp;

+ Cải cách nâng cao trách nhiệm của thẩm phán trong xét xử;

+ Hiện đại hoá toà án, sử dụng hệ thống công nghệ thông tin - điều khiển học để nâng cao hiệu quả hoạt động của toà án;

+ Cải tiến hệ thống giám sát và nâng cao tính công bằng trong việc xét xử;

+ Tiếp tục cải cách mô hình xét xử;

+ Cải cách hệ thống chứng cứ (Xem Toà án nhân dân tối cao, 1999).

Giai đoạn 2004 - 2008

Chương trình cải cách toà án 5 năm lần thứ hai (2004-2008) có quy mô lớn, theo một quy hoạch tổng thể nhằm mục tiêu cải tiến cấu trúc các cơ quan tư pháp, chia nhỏ chức năng và hệ thống quản lý tư pháp, qua đó thiết lập một hệ thống tư pháp có thẩm quyền và trách nhiệm được xác định rõ ràng, hợp tác và kiểm chế lẫn nhau, hoạt động một cách hiệu quả. Nội dung của Chương trình cải cách lần này tập trung vào: cải cách hoạt động xét xử; cải cách công tác thi hành án; tiếp tục đổi mới vai trò của ủy ban thẩm phán, vai trò của hội thẩm viên; cải tiến công tác quản lý tư pháp; tăng cường tính chuyên nghiệp của thẩm phán; tăng cường các cơ chế giám sát toà án, cả nội bộ lẫn bên ngoài.

Giai đoạn 2009 - 2013

Ngày 25/3/2009, Toà án nhân dân tối cao ban hành Chương trình 5 năm lần thứ ba cải cách Toà án nhân dân (2009-2013), bắt đầu một vòng mới của

cải cách tư pháp, cải cách đi vào chiều sâu. Chương trình cải cách 5 năm lần thứ ba tập trung vào năm khía cạnh: tối ưu hoá việc phân định chức năng và thẩm quyền tư pháp; bảo đảm hài hòa giữa việc thi hành nghiêm khắc pháp luật hình sự với sự khoan dung; nâng cao chất lượng công chức trong hệ thống tư pháp; bảo đảm ngân sách đầy đủ cho các toà án của Trung Quốc; hoàn thiện hệ thống thực thi công lý cho nhân dân.

2. Những thành công và hạn chế trong cải cách tư pháp của Trung Quốc

Sau nhiều năm cải cách tư pháp, Trung Quốc đã đạt được **những thành tựu quan trọng** trong cả việc thiết lập học thuyết tư pháp hiện đại và xây dựng hệ thống tư pháp hiện đại chuyên biệt.

Về học thuyết tư pháp, một loạt nguyên tắc đã được củng cố gồm: nguyên tắc đặt người dân lên hàng đầu; nguyên tắc tư pháp công bằng; nguyên tắc hiệu quả tư pháp; nguyên tắc giám sát tư pháp; nguyên tắc dân chủ trong tư pháp.

Về hoạt động, hệ thống tư pháp được xây dựng và hoàn thiện theo hướng ngày càng hiện đại. Năng lực xét xử và hình tượng toà án đã được cải thiện một cách toàn diện. Môi trường tư pháp hướng ra bên ngoài ngày càng được đánh giá một cách lạc quan. Phương thức xét xử khách quan và tương đối trung lập mà nội dung chính của nó là xét xử công khai đã hình thành một cách cơ bản. Các cơ quan tư pháp (đặc biệt là toà án) hoạt động theo cơ chế và mô hình xét xử ngày càng chính quy, việc thực hiện các quyền tư pháp của các Hội thẩm nhân dân và các thẩm phán được thiết lập sơ bộ. Sự chuyên nghiệp hoá của các thẩm phán

và việc cải cách hệ thống nhân sự trong toà án nhằm đào tạo các thẩm phán chất lượng cao đã đạt được thành công bước đầu. Hệ thống giám sát toà án nhằm duy trì quyền tư pháp và tính liêm khiết được thiết lập và nâng cao từng bước.

Tuy nhiên, các Chương trình cải cách tư pháp của Trung Quốc trong hơn 3 thập kỷ qua cũng còn **những hạn chế** nhất định.

Thứ nhất, sự tham gia của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong hệ thống tư pháp cả ở mức độ thiết lập chính sách và thực hiện chính sách đặt ra các vấn đề hiển nhiên liên quan đến vai trò của chính hệ thống tư pháp và đặc biệt liên quan đến vấn đề bảo đảm sự độc lập của thẩm phán trong quá trình xét xử các vụ án mà Đảng Cộng sản Trung Quốc quan tâm đến.

Thứ hai, mối quan hệ giữa các cơ quan tư pháp ở Trung Quốc chưa được quy định rõ ràng. Hiến pháp trao địa vị bình đẳng cho Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Mặc dù Hiến pháp đòi hỏi các cơ quan đó phối hợp chặt chẽ với nhau, việc phân lập các chức năng vốn phải gắn bó với nhau chặt chẽ tạo ra khó khăn về cơ cấu trong quản lý hệ thống tư pháp. Vấn đề này còn trở nên phức tạp hơn do thực tế Quốc vụ viện - cơ quan thường ban hành các quy định hướng dẫn thi hành các đạo luật quan trọng - không đóng vai trò quan trọng trong quản lý hệ thống tư pháp. Thay vào đó, các bộ riêng rẽ, chẳng hạn như Bộ Công an, Bộ An ninh quốc gia và Bộ Tư pháp, lại có thẩm quyền nhất định đối với các cơ quan khác nhau trong hệ thống tư pháp. Do đó, bất kỳ hoạt động phối hợp nào

không được luật quy định rõ ràng đều cần có sự hợp tác của số lượng lớn các cơ quan chính phủ. Mà mỗi cơ quan trong số đó đều có quyền lợi trong việc bảo vệ quan điểm của mình nên việc hợp tác trên thực tế thường không dễ dàng.

Thứ ba, mặc dù Trung Quốc là hệ thống bất khả phân nhưng quy định về thẩm quyền của chính quyền địa phương liên quan đến toà án và viện kiểm sát (và các cơ quan khác) ở cùng cấp có nghĩa là có sự căng thẳng thường xuyên giữa sự kiểm soát theo chiều dọc của Toà án nhân dân tối cao và các cơ quan nhà nước cấp trên khác với sự kiểm soát theo chiều ngang của chính quyền địa phương (cấp rõ ràng có lợi thế về mặt áp lực, do ở cùng địa bàn với toà án và các cơ quan khác).

Thứ tư, liên quan đến chính sách, mặc dù sự tham gia của nhiều bên là điểm mạnh của hệ thống lập pháp nhưng đây cũng chính là điểm hạn chế về mặt nội dung và khó khăn khi thực thi. Đó là do có nhiều cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật (bao gồm các luật, quy định hướng dẫn, giải thích, văn bản của cấp bộ, các quy tắc ứng xử, quy chế và quyết định của địa phương...), nhiều cấp có thể tác động đến hệ thống pháp luật nên hệ thống pháp luật có thể không thống nhất và mâu thuẫn với nhau. Ủy ban thường vụ Quốc hội chịu trách nhiệm giám sát hoạt động lập quy của các cơ quan cấp dưới và Ban Công tác lập pháp của Quốc vụ viện giám sát hoạt động lập quy của các cơ quan hành chính cấp dưới. Toà án không có thẩm quyền giám sát tính hợp pháp của các văn bản và quy định do các cơ quan nhà nước cấp dưới ban hành. Điều này có nghĩa là vấn đề về

tính hợp pháp của các văn bản và tính bất hợp pháp của văn bản dưới luật không thể giải quyết bằng cách kiện ra toà án. Đây cũng là vướng mắc trong tư pháp hành chính mà nhiều nước trên thế giới đang gặp phải.

3. Những vướng mắc Việt Nam đang gặp phải trong thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

Việt Nam hiện đang thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 theo Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 2/6/2005. Theo các nhà nghiên cứu và những người thực thi Chiến lược, việc triển khai thực hiện chiến lược đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, góp phần mở rộng nền dân chủ, bảo vệ công lý, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, đáp ứng một phần sự mong mỏi của nhân dân và xã hội. Tuy nhiên, qua quá trình thực hiện, công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta còn bộc lộ những ***hạn chế, khuyết điểm*** như: chất lượng của hoạt động tư pháp còn yếu kém; việc chuyên nghiệp hoá hoạt động của cán bộ tư pháp chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra; nội dung hiện đại hoá từng bước tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp chưa đạt yêu cầu; kết quả thực hiện cải cách tư pháp chưa đồng đều ở các ngành, các cấp, các địa phương và ở trên các mặt hoạt động khác nhau; công tác tuyên truyền, thông tin về cải cách tư pháp còn chưa rộng khắp, chưa tương xứng với tầm quan trọng và tính chất của công cuộc cải cách tư pháp.

Trong thời gian tới, theo các ý kiến tại Hội nghị tổng kết thực hiện Nghị quyết 49, chương trình cải cách tư pháp cần làm rõ thêm một số nội dung về

quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ cho phù hợp với các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Hiến pháp năm 1992 sửa đổi vừa được thông qua năm 2013 về: nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước, ngoài việc phân công phối hợp, còn kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; tăng cường dân chủ trong xây dựng nhà nước pháp quyền; về xác định toà án là cơ quan thực hiện quyền tư pháp... Đồng thời, cần bổ sung một số nội dung như: cải cách tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra; đổi mới mô hình tổ tụng hình sự và dân sự theo hướng kế thừa mô hình tổ tụng thẩm vấn và tiếp thu có chọn lọc những yếu tố tiến bộ của mô hình tổ tụng tranh tụng tại phiên toà; phân công các Bộ giúp Chính phủ quản lý thống nhất công tác thi hành án; đổi mới và hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan tư pháp; xác định rõ hơn trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện chiến lược cải cách tư pháp.

4. Những bài học từ kinh nghiệm cải cách tư pháp của Trung Quốc Việt Nam có thể tham khảo

Qua kinh nghiệm thành công và hạn chế của Trung Quốc cũng như qua phân tích những khiếm khuyết và vướng mắc mà Việt Nam đang gặp phải trong công cuộc cải cách tư pháp, chúng ta có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Thứ nhất, cần tăng cường tính độc lập của cơ quan tư pháp, đặc biệt là tính độc lập của toà án và thẩm phán trong hoạt động thực tiễn. Sự lãnh đạo của Đảng chỉ nên ở tầm vĩ mô. Cần có

những quy định rõ ràng hơn về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp nhằm hạn chế sự can thiệp trên thực tế của lãnh đạo Đảng đối với từng vụ án cụ thể. Đồng thời, cơ quan tư pháp cũng cần độc lập hơn với chính quyền địa phương trong vấn đề tài chính. Việc phê duyệt ngân sách hàng năm cho hoạt động của các cơ quan tư pháp nên giao cho cấp Trung ương.

Thứ hai, việc công khai xét xử và công khai các bản án đã có hiệu lực pháp luật cần được đẩy mạnh, dần dần có sự pháp điển hoá các bản án. Điều này giúp cơ quan giám sát toà án và người dân cũng có thể giám sát hoạt động xét xử của toà án thông qua so sánh việc xét xử của các thẩm phán qua các vụ án tương tự.

Thứ ba, nên đẩy mạnh những nội dung tranh tụng trong hệ thống thủ tục xét hỏi để nâng cao chất lượng xét xử của toà án, đảm bảo được yêu cầu công bằng và dân chủ trong tư pháp. Cần quy định trong các bộ luật tố tụng về quyền tham gia ngay từ giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng (tức là ngay khi bắt tạm giam bị can) của luật sư. Trong giai đoạn điều tra, các bên có quyền yêu cầu cơ quan điều tra thực hiện một số hoạt động điều tra mà họ thấy cần thiết. Đồng thời, coi trọng hơn nữa nguyên tắc xét xử trực tiếp và bằng lời nói theo hướng các chứng cứ phải được xác minh và đánh giá tại phiên toà thông qua tranh luận của các bên. Các bên có quyền đề nghị triệu tập người làm chứng không hạn chế.

Thứ tư, thiết lập một hệ thống ranh giới quyền thực thi pháp lý về mặt tư pháp với quyền thực thi pháp lý về mặt hành chính, bằng cách ấy tách bạch

quyền tư pháp với quyền lập pháp và hành pháp cùng cấp. Đây là đảm bảo cơ bản nhất của sự độc lập tư pháp. Hơn nữa, nên trao cho toà án quyền giải thích Hiến pháp và pháp luật và mở rộng thẩm quyền đối với toà hành chính nhằm tạo những tiền đề quan trọng trong việc thiết lập phương thức kiểm soát lập pháp và hành pháp bằng toà án.

Thứ năm, cần tăng cường chế độ giám sát nhân dân đối với hoạt động của Viện công tố, thực hiện chế độ công khai hoá mọi hoạt động công tác của công tố viên khi thực hiện chức năng nhiệm vụ, đồng thời, tăng cường chế độ giám sát trong nội bộ các hoạt động của Viện công tố. Các quy định về việc chuyển đổi phải giữ vững nguyên tắc pháp quyền, đảm bảo tính khách quan, độc lập trong hoạt động của công tố viên.

Thứ sáu, vai trò của luật sư cần được chú trọng và nâng cao hơn nữa. Đội ngũ luật sư cần được nâng cao trình độ chuyên môn lẫn phẩm chất đạo đức. Cần hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên toà, đặc biệt cần thay đổi nhận thức của cơ quan và người tiến hành tố tụng về vị trí, vai trò của luật sư. Đồng thời, cần xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với luật sư để nâng cao hơn nữa tinh thần và trách nhiệm trong nghề nghiệp của luật sư.

Thứ bảy, nên áp dụng triệt để chương trình ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của bộ máy tư pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan này, đồng thời giúp cho việc giám sát từ bên trong lẫn bên ngoài hệ thống được dễ dàng và hiệu quả hơn. Việc hiện đại hoá hoạt động của các cơ

quan tư pháp của Trung Quốc đã thu được khá nhiều thành tựu.

Thứ tám, cần chuyên nghiệp hoá hơn nữa hoạt động của đội ngũ cán bộ tư pháp. Việc nâng cao trình độ chuyên môn của thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên đã được thực hiện trong nhiều năm qua song trên thực tế vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu. Cần mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng đào tạo cán bộ về pháp luật, tăng cường hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học pháp lý (nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng giải quyết các vấn đề trên thực tiễn), phát triển đội ngũ giảng viên (có hữu có trình độ, đào tạo bài bản trong và ngoài nước, cùng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có kinh nghiệm thực tiễn), tăng cường hợp tác trao đổi với các cơ sở đào tạo luật uy tín trong nước và trên thế giới. Cần đổi mới nội dung và phương thức đào tạo đội ngũ cán bộ tư pháp (bổ sung thêm nhiều tình huống thực tế chứ không chỉ nặng về lý thuyết, đan xen nhiều thời gian thực tập ở những cơ quan tư pháp khác nhau trong thời gian học tập).

Cuối cùng, cần tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động của các cơ quan tư pháp cũng như tổ chức hỗ trợ tư pháp. Hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm trong hoạt động tư pháp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả cũng như tốc độ giải quyết các vụ việc. Đồng thời, chúng ta cũng có thể so sánh để thấy được bộ máy tư pháp và hoạt động tư pháp của chúng ta có những điểm mạnh nào cần duy trì và điểm yếu gì cần khắc phục.

Nói tóm lại, để cải cách tư pháp đạt được hiệu quả cao nhất, theo một số luật gia thì cần có sự đồng thuận giữa ba giới

của nghề luật, có sự kết hợp giữa cải cách tư pháp và cải cách chính trị, có sự ủng hộ, tham gia đóng góp ý kiến cũng như giám sát của nhân dân và sự phối hợp của tất cả các giới trong xã hội. Các nhà luật học Việt Nam thì cho rằng ngoài việc học tập, tiếp thu những kinh nghiệm nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam, chúng ta cần phát huy được nguồn lực tổng hợp của toàn xã hội và công cuộc cải cách tư pháp cần từng bước bắt nhịp với nhiệm vụ cải cách hệ thống pháp luật, đổi mới hoạt động lập pháp, cải cách hành chính □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ji Weidong, *Judicial Reform in China and Its Political Implications*, <http://www.reds.msh-paris.fr/colloque/weidong.pdf>, 19p.
2. Su Zelin, *The Situation, achievements and Prospect of Judicial Reform in China*, 9p. [http://jrn21.supremecourt.gov.ph/files/documents/paper-Justice SuZenlin-China.pdf](http://jrn21.supremecourt.gov.ph/files/documents/paper-Justice%20SuZenlin-China.pdf)
3. Toà án nhân dân tối cao (1999), *Kế hoạch 5 năm cải cách toà án nhân dân (1999-2003)*, <http://www.dffy.com/faguixiazai/xf/200511/20051128111114-5.htm>
4. Trương Thị Thu Trang (2005), *Cải cách tư pháp ở một số nước châu Á: bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Viện Thông tin KHXH.
5. UNDP (2010), *Nghiên cứu tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp ở năm nước chọn lọc (Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản, Cộng hòa Hàn Quốc và Liên bang Nga)*, Hà Nội.
6. Viện Khoa học pháp lý (2003), *Chuyên đề: Một số vấn đề về cải cách tư pháp ở Trung Quốc*, Nxb. Bộ Tư pháp.
7. White Paper (2012), *Judicial Reform in China*, Information Office of the State Council, October 9. <http://www.chinausfocus.com/white-paper-judicial-reform-in-china-october-9-2012%2F&anno=25>.